TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 127/2019/HNGĐ-ST. Ngày: 11 – 10 – 2019. V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng cho con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mua.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng cho con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Khắc V1, sinh năm 1981 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Ánh L1, sinh năm 1982 (*có mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2; địa chỉ Số 109, đường Đ, phường N, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Doãn S, sinh năm 1967; nơi làm việc Số 109, đường Đ, phường N, quận K, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật (Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 – *vắng mặt*).

3.2. Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1975; nơi làm việc Số 01, đường V3, Phường 1, thành phố L2, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 – *vắng mặt theo nội dung văn bản số 133a/2019/TB.CNVL ngày 19 tháng 4 năm 2019*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Khắc V1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, anh và chị Phan Thị Ánh L1 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 10/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng hạnh phúc được khoảng 12 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị L1 không rõ ràng về kinh tế gia đình làm cho vợ chồng thường xuyên cự không điều hòa được cải dẫn đến mất hạnh phúc. Nên từ tháng 01/2019 anh và chị L1 sống ly thân đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn với chị L1.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh và chị L1 có với nhau 02 người con chung tên Trần Minh C1, sinh ngày 13/02/2009 và Trần Minh C2, sinh ngày 04/5/2014 hiện sống với chị L1. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng nhằm ổn định môi trường sinh sống, học tập của con, phù hợp với nguyện vọng của cháu C1, hơn nữa hiện anh chưa có chổ ở mới. Trước đây, anh có ý kiến đồng ý cấp dưỡng cho mỗi con hàng tháng số tiền 1.500.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Nay anh có ý kiến không đồng ý cấp dưỡng cho các con, vì anh còn phải trả khoảng nợ vay của vợ chồng cho Ngân hàng Thương mại V2, mua sắm phương tiện đi lại và tạo lập chổ ở mới.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh và chị Loan đã thỏa thuận chia xong xe mô tô nhãn hiệu Ware biển số 64E1 – xxx59 nên anh rút lại yêu cầu khởi kiện này, đối với các tài sản khác để anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh đứng tên hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1377.1/2017/KU-01 ngày 14/3/2017 vay vốn bằng hình thức tín chấp bảng lương số tiền 200.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 – chi nhánh L2; thời hạn vay 60 tháng; trả vốn chia đều hàng tháng, 59 kỳ đầu trả 3.350.000 đồng, kỳ cuối trả 2.350.000 đồng, trả lãi thực tế trên dư nợ gốc. Số tiền vay dùng vào việc trả nợ cho chị L1, hiện anh đã trả được 30 kỳ vốn và lãi, anh đồng ý tiếp tục trả nợ 30 kỳ vốn và lãi còn lại. Trong quá trình giải quyết vụ án, do Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 không yêu cầu giải quyết nợ vay. Nên anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia nghĩa vụ trả nợ trong vụ án này. Đồng ý ý kiến của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 sẽ giải quyết nghĩa vụ trả nợ bằng vụ kiện dân sự khác nếu có tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết và xét xử, bị đơn chị Phan Thị Ánh L1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị thống nhất lời trình bày của anh V1 về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn là nhỏ nhặt vợ chồng có cự cải nhau nhiều lần nhưng không trầm trọng. Đến tháng 01/2019,

anh V1 mang đồ dùng cá nhân vào ở tại cơ quan, sống ly thân với chị đến nay không trở về đoàn tụ. Nay, anh V1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, cương quyết ly hôn thì chị đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Sau khi ly hôn, chị đồng ý nuôi 02 con, phù hợp nguyện vọng của cháu C1. Chị yêu cầu anh V1 phải cấp dưỡng cho 02 con hàng tháng mỗi con số tiền 2.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 03/10/2019 cho đến khi con trưởng thành và có công việc ổn định.

- Về tài sản chung: Chị thống nhất lời trình bày của anh V1 là trong quá trình giải quyết vụ án xe mô tô nhãn hiệu Ware biển số 64E1 – xxx59 đã tự thỏa thuận chia xong, đối với các tài sản khác để anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị thống nhất lời trình bày của anh Vũ có vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 – chi nhánh L2 số tiền 200.000.000 đồng, hàng tháng anh trả nợ gốc và lãi. Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ trả nợ. Nên chị thống nhất ý kiến của anh V1 và ý kiến của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 sẽ giải quyết nghĩa vụ trả nợ bằng vụ kiện dân sự khác nếu có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại văn bản số 133a/2019/TB.CNVL ngày 19 tháng 4 năm 2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 trình bày:

Do khoản vay chưa đến hạn, khách hàng không vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đồng ý để anh V1 tiếp tục trả nợ. Nên không yêu cầu giải quyết phân chia nghĩa vụ trả nợ trong vụ án này. Trường hợp có vi phạm và tranh chấp nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 sẽ khởi kiện anh V1, chị L1 bằng vụ kiện dân sự khác. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Ông Phạm Doãn S là người đại diện theo pháp luật, ông Nguyễn Tấn D là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2t đã được triệu tập xét xử

hợp lệ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S, ông D theo thủ tục chung.

[3]. *Về hôn nhân*: Anh Trần Khắc V1 và chị Phan Thị Ánh L1 là vợ chồng hợp pháp có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc anh V1, chị L1 bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thiếu sự tin tưởng nhau trong quản lý kinh tế của gia đình gây bất hòa, thường xuyên cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Anh, chị có thời gian dài sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Anh V1xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với chị L1. Chị L1 thống nhất ly hôn với anh V1. Đủ cơ sở kết luận hôn nhân giữa anh V1 và chị L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa anh V1 và chị L1.

[4]. *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*:

[5]. Anh V1 và chị L1 có với nhau 02 người con chung tên Trần Minh C1, sinh ngày 13/02/2009 và Trần Minh C2, sinh ngày 04/5/2014 hiện chị L1 nuôi dưỡng. Anh V1 và chị L1 thỏa thuận sau khi ly hôn, anh V1 đồng ý giao cháu C1 và cháu C2 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng của cháu C1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận và giải quyết giao cháu C1 và cháu C2 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng.

[6]. Anh V1 và chị L1 đều có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình thì: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con cón nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", "*Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác*", "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên…trong trường hợp không sống chung với con*", "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*", "*Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Các bên có thể thỏa thuận…; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*". Do đó, lời trình bày của anh V1 cho rằng anh phải trả nợ vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2, mua sắm phương tiện đi lại và tạo lập chỗ ở mới để từ chối cấp dưỡng cho con là không đúng. Căn cứ vào yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị L1, thu nhập thực tế còn lại của anh V1 và nhu cầu thiết yếu của cháu C1, cháu C2; căn cứ vào khoản 2 Điều 82, các điều 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết anh V1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu C1, cháu C2 hàng tháng mỗi cháu số tiền 750.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 03/10/2019 cho đến khi cháu C1, cháu C2 tròn 18 tuổi, số tiền này được giao cho chị L1 nhận.

[7]. Anh V1 là người không trực tiếp nuôi con. Căn cứ vào khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho anh V1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[8]. *Về tài sản chung*: Xe mô tô nhãn hiệu Ware biển số 64E1 – xxx59 đã thỏa thuận chia xong, anh V1 tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện này. Đối với các tài sản khác, anh V1 và chị L1 thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[9]. *Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 không tranh chấp yêu cầu anh V1, chị L1 trả nợ vay. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này và dành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 với anh V1, chị L1 một vụ kiện dân sự khác nếu có tranh chấp với nhau về nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1377.1/2017/KU-01 ngày 14/3/2017.

[10]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết anh V1 phải chịu 300.000 đồng án phí giải quyết ly hôn và 300.000 đồng án phí giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng, số tiền này anh V1 được khấu trừ vào trong số tiền 3.523.750 đồng tạm ứng án phí đã nộp; đối với tài sản chung là xe mô tô nhãn hiệu Ware biển số 64E1 – 01759 đã thỏa thuận chia xong, anh V1 tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận đình chỉ xét xử, còn các tài sản khác và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết nên đương sự không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, các điều 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Khắc V1và chị Phan Thị Ánh L1.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Trần Minh C1, sinh ngày 13 thánh 02 năm 2009 và cháu Trần Minh C2, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2014 cho chị Phan Thị Ánh L1 được trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng của cháu C1.

2.2. Buộc anh Trần Khắc V1 phải cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Trần Minh C1 và cháu Trần Minh C2, mỗi cháu số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2019 cho đến khi cháu C1, cháu C2 tròn 18 (mười tám) tuổi. Anh V1ũ có trách nhiệm giao số tiền cấp dưỡng cho chị Phan Thị Ánh L1 nhận.

2.3. Anh Trần Khắc V1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung là xe mô tô nhãn hiệu Ware biển số 64E1 – xxx59 anh Trần Khắc V1 đã rút.

3.2. Các tài sản chung khác do không tranh chấp yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

4.1. Do không tranh chấp yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4.2. Dành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 với anh Trần Khắc V1 và chị Phan Thị Ánh L1 một vụ kiện dân sự khác nếu có tranh chấp với nhau về nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1377.1/2017/KU-01 ngày 14 tháng 3 năm 2017.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh V1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng cho con số tiền 300.000 đồng. Số tiền này, anh V1 được khấu trừ vào trong số tiền 3.523.750 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0011704 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Nên hoàn trả cho anh V1 được nhận lại số tiền 2.923.750 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Trần Khắc V1 là nguyên đơn, chị Phan Thị Ánh L1 là bị đơn. Vắng mặt ông Phạm Doãn S là người đại diện theo pháp luật, ông Nguyễn Tấn D là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2. Báo cho anh V1 và chị L1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ

tục phúc thẩm. Riêng ông S và ông D vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ + NLQ + ĐD.NLQ: 05;
- UBND xã P: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Cao Minh Tân